

Bản án số: 208/2021/HS-PT
Ngày 23 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào

Ông Nguyễn Tấn Trường

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Đặng Thọ Định, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 233/2021/TLPT-HS ngày 01/3/2021 đối với bị cáo A T, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 15 - 01 - 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum.

- Bị cáo có kháng cáo: A T; sinh ngày 01/01/1963, tại tỉnh Kon Tum

Trú tại: tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: hưu trí (nguyên Hiệu trưởng Trường tiểu học L); trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Tơ Đrá; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông A B, sinh năm 1929 và bà Y M, sinh năm 1923; có vợ là Y Đ, sinh năm 1966 và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1988, nhỏ nhất sinh năm 1993; tiền sự, tiền án: không; bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện đang tại ngoại; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo A T: Bà Nguyễn Thị Thúy H trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Kon Tum; địa chỉ: tỉnh Kon Tum; có mặt.

Ngoài ra, trong vụ án còn có bị cáo Phạm Thị H, không liên quan đến kháng cáo.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường tiểu học L, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum, trong năm học 2018 - 2019, Hiệu trưởng trường là ông A T; Thủ quỹ là bà Y Lai N; Kế toán từ đầu năm học đến ngày 01/4/2019 là bà Nguyễn Thị Kim N1, từ ngày 01/4/2019 Kế toán của trường là bà Phạm Thị H (theo Quyết định số 730/QĐ-UBND ngày 22/3/2019 của UBND huyện Đ về việc điều động viên chức).

Ngày 29/3/2019, UBND huyện Đ, tỉnh Kon Tum có Quyết định số 846 “Về việc xuất ngân sách huyện bổ sung cho các đơn vị”, giao về cho các đơn vị để hỗ trợ cho học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú học kỳ II năm học 2018 - 2019 theo Nghị định 116/2016/NĐ-CP ngày 18/7/2016 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó: Trường tiểu học L được cấp số tiền 681.100.000 đồng.

Ngày 29/3/2019, UBND huyện Đ có Quyết định số 848 “Về việc xuất ngân sách huyện bổ sung cho các đơn vị”, giao cho các đơn vị để hỗ trợ chi phí học tập cho học sinh, cấp bù miễn giảm học phí cho các cơ sở giáo dục học kỳ II năm học 2018- 2019 theo Nghị định 86/2015/NĐ-CP ngày 02/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ; trong đó: Trường tiểu học L được cấp số tiền 88.500.000 đồng.

Ngày 07/5/2019, khi biết nguồn kinh phí đã được cấp về tài khoản của Trường tiểu học L mở tại Kho bạc huyện Đ, Phạm Thị H đã báo cáo với A T; đồng thời tham mưu rút các nguồn kinh phí trên và được A T đồng ý. Sau đó, Phạm Thị H lập các Giấy rút dự toán ngân sách để làm thủ tục rút tiền tại Kho bạc huyện Đ, tổng số tiền thể hiện trên các Giấy rút dự toán là 766.100.000 đồng.

Sáng ngày 08/5/2019, A T giao nhiệm vụ cho bà Y Lai N và Phạm Thị H đến Ngân hàng Vietcom Đ để rút tiền. Do điều kiện nhà trường không có kết sắt để bảo quản tiền, cửa phòng làm việc không bảo đảm, đường đi từ Ngân hàng về Trường xa và khó khăn, để đảm bảo an toàn tiền nên A T chỉ đạo sau khi làm thủ tục rút tiền xong, thì Y Lai N giao lại toàn bộ số tiền rút được cho Phạm Thị H để H gửi Ngân hàng giữ, khi cần thì rút. Sau đó, Phạm Thị H cùng với Y Lai N đến Ngân hàng Vietcom Đ làm thủ tục rút tiền. Y Lai N là người trực tiếp rút số tiền 766.100.000 đồng. Sau khi rút tiền xong, Y Lai N đưa hết số tiền trên cho Phạm Thị H quản lý theo sự chỉ đạo của A T và đi về Trường. Sau khi nhận được tiền từ Y Lai N, Phạm Thị H đã gửi số tiền 500.000.000 đồng vào tài

khoản số 0761002358056 của cá nhân Phạm Thị H mở tại Ngân hàng Vietcom Đ; còn lại số tiền mặt là 266.100.000 đồng H mang về nhà tự cất giữ.

Số tiền mặt là 266.100.000 đồng, Phạm Thị H đã sử dụng như sau: Trong ngày 08/5/2019, H sử dụng 250.000.000 đồng cộng với số tiền 500.000.000 đồng mà H có trước đó do bà Hà Thị Lý trả nợ cá nhân, để cho bà Lê Thị Tĩnh mượn tổng số tiền là 750.000.000 đồng; việc cho mượn tiền là giao dịch cá nhân và có Giấy viết tay. Số tiền còn lại là 16.100.000 đồng, H đã sử dụng vào mục đích cá nhân hết.

Đối với số tiền 500.000.000 đồng còn lại trên tài khoản được Phạm Thị H sử dụng cá nhân hết trong thời gian từ ngày 08/5/2019 đến ngày 09/6/2019.

Ngày 04/6/2019, khi đến thời điểm chi trả tiền cho học sinh, Phạm Thị H đã không đến Trường tiểu học L để thực hiện việc chi trả tiền cho học sinh, nên Hiệu trưởng Nhà trường đã phát hiện việc H chiếm đoạt; Trường tiểu học L đã nhiều lần tìm gặp, yêu cầu Phạm Thị H trả lại số tiền 766.100.000 đồng để chi trả cho học sinh; Phạm Thị H có ghi giấy cam kết trả, tuy nhiên, tính đến ngày 17/7/2019 Phạm Thị H mới trả lại cho Nhà trường được số tiền 267.000.000 đồng. Ngoài ra, trong quá trình điều tra, truy tố ông Cao Trung Tín là chồng của Phạm Thị H đã nộp thêm số tiền 2.200.000 đồng để khắc phục hậu quả.

Để khắc phục việc chi trả tiền cho học sinh theo đúng chế độ, Phòng Tài chính Kế hoạch huyện Đ đã làm thủ tục cấp ứng cho Trường Tiểu học L số tiền 499.100.000 đồng tại Văn bản số 1505 ngày 27/8/2019 của UBND huyện Đ “*V/v phúc đáp Tờ trình số 01 ngày 24/7/2019 của Trường TH L*”.

[2] *Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 15-01-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum đã quyết định:*

- Áp dụng: Điểm a khoản 3 Điều 353; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo Phạm Thị H phạm tội: “*Tham ô tài sản*”; Xử phạt: Bị cáo Phạm Thị H 14 (Mười bốn) năm tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

- Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 360; Điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015; Tuyên bố bị cáo A T phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”; Xử phạt: Bị cáo A T 24 (Hai mươi bốn) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

[3] *Kháng cáo*: Ngày 25-01-2021 bị cáo A T kháng cáo với các yêu cầu : Đề nghị xem xét chuyển tội danh là “Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp”, xin giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo. Tài liệu chứng cứ kèm theo đơn kháng cáo là Biên lai thu tiền số 0005422 ngày 25-01-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum do bị cáo nộp để khắc phục hậu quả, Đơn xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và Bằng khen đảng viên của Tỉnh ủy Kon Tum, Giấy chứng nhận gia đình hiếu học tiêu biểu toàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2008-2013 và nhiều loại Giấy khen khác.

[4] *Tại phiên tòa cấp phúc thẩm*

Bị cáo A T giữ nguyên kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cáo tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo A T, sửa một phần bản án hình sự sơ thẩm, giảm cho bị cáo một phần hình phạt tù; không chấp nhận kháng cáo thay đổi tội danh và kháng cáo xin được hưởng án treo.

Người bào chữa cho bị cáo A T trình bày: Hành vi của bị cáo A T cấu thành tội “*Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp*” theo quy định tại khoản 2 điều 179 Bộ luật Hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chuyển tội danh cho bị cáo. Bị cáo H là Kế toán vừa mới được điều động đến nên ông A T chưa hiểu biết gì về bị cáo H, lần rút tiền đầu tiên thì bị cáo H đã thực hiện việc chiếm đoạt; bị cáo A T là người rất thật thà chất phát, vì mong muốn nguồn tiền được an toàn nên mới giao cho H giữ bởi phòng làm việc Thủ quỹ không bảo đảm; tại giai đoạn phúc thẩm bị cáo A T có tình tiết giảm nhẹ mới và hiện nay bị cáo cũng đã nghỉ hưu, nên cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2] Về tội danh: Ngày 08-5-2019, A T là hiệu trưởng Trường tiểu học L, xã N, huyện Đ, tỉnh Kon Tum đã giao nhiệm vụ cho Y Lai N là Thủ quỹ và Phạm Thị H là Kế toán của Trường đến Ngân hàng Vietcombank Đ để rút số

tiền 766.100.000 đồng, đây là tiền kinh phí hỗ trợ học tập và sinh hoạt cho học sinh đang học tại trường do Ngân sách nhà nước cấp. Do điều kiện nhà trường còn nhiều khó khăn, cơ sở vật chất không đảm bảo, trường không có kết sất, đường đi lại khó khăn nên bị cáo A T đã chỉ đạo và giao trách nhiệm cho Y Lai N rút toàn bộ số tiền 766.100.000 đồng, sau đó bàn giao cho bị cáo Phạm Thị H quản lý. Bị cáo chỉ đạo H gửi lại số tiền trên tại Ngân hàng, chờ đến ngày cấp phát tiền cho học sinh sẽ rút về chi. Bị cáo Phạm Thị H sau khi nhận tiền, đã gửi vào tài khoản cá nhân của mình 500.000.000 đồng và cầm tiền mặt về nhà số tiền 266.100.000 đồng. Trong thời gian từ ngày 08/5/2019 đến ngày 09/6/2019, bị cáo H đã tự ý cho vay, sử dụng hết vào mục đích cá nhân, không trả lại tiền cho nhà Trường.

Bị cáo A T là Hiệu trưởng của nhà trường, việc không giao tiền cho Thủ quỹ nhà trường quản lý tiền mặt theo quy định mà chỉ đạo bàn giao lại cho Kế toán giữ tiền là thực hiện không đúng nhiệm vụ được giao của một Chủ tài khoản. Từ việc thực hiện không đúng này mà bị cáo H đã lợi dụng để chiếm đoạt được số tiền 766.100.000 đồng. Hành vi thiếu trách nhiệm của A T gây hậu quả thất thoát tài sản của nhà nước là 766.100.000 đồng.

Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng bị cáo A T có chức vụ quyền hạn, không trực tiếp giữ tài sản, nên hành vi thiếu trách nhiệm của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”; Kháng cáo của bị cáo và ý kiến của người bào chữa đề nghị xem xét hành vi của bị cáo A T phạm vào tội “*Thiếu trách nhiệm gây thiệt hại đến tài sản của Nhà nước, cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp*” theo khoản 2 Điều 179 Bộ luật Hình sự là không có cơ sở.

Bản án sơ thẩm đã quyết định A T phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*” theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 360 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo:

Bị cáo A T phạm tội nghiêm trọng, thuộc trường hợp tội phạm về chức vụ, thiệt hại trong vụ án mới chỉ được người chiếm đoạt khắc phục hậu quả một phần; đồng thời nhằm mục đích đấu tranh và phòng ngừa tội phạm, nên không có cơ sở cho bị cáo A T được hưởng án treo.

Bị cáo A T được hưởng các tình tiết giảm nhẹ: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, là người có thành tích xuất sắc trong công tác giáo dục được tặng nhiều bằng khen, giấy khen; sau khi sự việc xảy ra A T đã có nhiều biện pháp tích cực tác động, đôn đốc bị cáo H khắc phục được một phần hậu quả, mặc dù không có chiếm đoạt nhưng bị cáo đã tự nguyện nộp số tiền

2.000.000 đồng để khắc phục một phần hậu quả. Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo 24 tháng tù là đúng pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm Hội đồng xét xử xét thấy nguyên nhân bị cáo A T phạm tội là do tin tưởng bị cáo H, trong khi bị cáo H vừa mới chuyển đến một tháng đã thực hiện ngay việc chiếm đoạt; bị cáo A T có quá trình công tác có nhiều thành tích, bị cáo được tặng thưởng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, nhiều Bằng khen đảng viên của Tỉnh ủy Kon Tum, được công nhận Gia đình tiêu biểu toàn tỉnh nhiều năm liền; đồng thời gia đình có hoàn cảnh khó khăn nhưng bị cáo cũng nộp thêm tiền khắc phục hậu quả 3.000.000 đồng, bị cáo nay cũng đã lớn tuổi. Do có tình tiết mới nên xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phúc thẩm là hợp lý, cần được chấp nhận.

[4] Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo về phần xin giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo về việc chuyển đổi tội danh và xin được hưởng án treo. Về án phí phúc thẩm bị cáo A T không phải chịu.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; chấp nhận một phần kháng cáo về phần giảm nhẹ hình phạt, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2021/HS-ST ngày 15-01-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Kon Tum về hình phạt đối với bị cáo A T.

2. Áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 360; điểm s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015;

Tuyên bố bị cáo A T phạm tội “*Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng*”; Xử phạt: Bị cáo A T 09 (Chín) tháng tù; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày đi thi hành án.

3. Các quyết định còn lại của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Đối với số tiền 3.000.000 đồng mà bị cáo A T đã nộp khắc phục hậu quả theo Biên lai thu số 0005422 ngày 25-01-2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum được trả cho Trường Tiểu học L.

4. Về án phí: Bị cáo A T không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật từ ngày tuyên án 23-4-2021./

Nơi nhận:

- Vụ I, Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKSND tỉnh Kon Tum;
- Sở Tư pháp tỉnh Kon Tum;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Kon Tum;
- Công an tỉnh Kon Tum;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Kon Tum;
- Bị cáo;
- UBND xã N (thay cho thông báo);
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án (ĐTT-...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Long